

THÔNG BÁO

Về việc thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển, thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020

Hội đồng thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020 thông báo:

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020:

Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020: 163 thí sinh.

(Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi kèm theo thông báo này)

Căn cứ kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi nêu trên, Hội đồng thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020 sẽ không trình Bộ Tài chính cho phép mở rộng thêm thời gian nhận hồ sơ để tiếp nhận, sơ tuyển bổ sung đối với những thí sinh có ngành, chuyên ngành đào tạo gần giống với chuyên ngành đào tạo theo thông báo tuyển dụng của Tổng cục Hải quan.

Thí sinh theo dõi thông tin đăng ký dự thi của mình trên danh sách kèm theo nếu phát hiện có nhầm lẫn về tên tuổi, năm sinh, giới tính, đơn vị đăng ký dự tuyển... thì liên hệ với Hội đồng sơ tuyển nơi mình nộp hồ sơ dự tuyển để báo cáo Hội đồng thi tuyển điều chỉnh, đối với thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển tại cơ quan Tổng cục Hải quan thì liên hệ theo số máy của Hội đồng thi tuyển 024.39440833 (máy lẻ: 9232; 8203) để điều chỉnh.

2. Địa điểm tổ chức thi tuyển:

Địa điểm tổ chức kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020 tại thành phố Đà Nẵng. Hội đồng thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020 sẽ thông báo địa điểm cụ thể trên Website của Tổng cục Hải quan tại địa chỉ www.customs.gov.vn trước ngày 02/7/2020.

3. Thời gian tổ chức thi tuyển:

- Ngày 09/7/2020:

Buổi chiều 14h00, thí sinh có mặt tại địa điểm thi để đóng lệ phí dự thi tuyển, mức thu 400.000đ/thí sinh.

- Ngày 10/7/2020:

+ Buổi sáng: 07h30 thí sinh có mặt tại địa điểm thi để dự lễ khai mạc kỳ thi, nghe phổ biến lịch thi, nội quy kỳ thi, đóng lệ phí dự thi tuyển và dự thi vòng 1 trắc nghiệm trên máy vi tính phần Ngoại ngữ.

+ Buổi chiều: thí sinh dự thi vòng 1 trắc nghiệm trên máy vi tính phần Kiến thức chung.

- Ngày 11/7/2020:

+ Buổi sáng: thí sinh nghỉ để Hội đồng thi tuyển thực hiện công tác chuẩn bị cho thi vòng 2.

+ Buổi chiều: dự thi viết vòng 2 môn Nghiệp vụ chuyên ngành.

4. Một số lưu ý đối với thí sinh khi dự thi:

- Thí sinh chủ động nghiên cứu Nội quy kỳ thi tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (kèm theo Thông báo này) và nghiêm túc thực hiện Nội quy thi tuyển trong thời gian dự thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020.

- Hội đồng thi tuyển bố trí camera giám sát tại các phòng thi trong các ngày tổ chức thi tuyển. Hội đồng thi tuyển sẽ giám sát chặt chẽ và xử lý các trường hợp vi phạm nội quy kỳ thi tuyển công chức.

- Thí sinh lưu ý tuyệt đối không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu và thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác.

- Thí sinh mang 01 trong 04 loại giấy tờ hợp pháp sau để xuất trình cho Giám thị phòng thi kiểm tra khi vào phòng thi (giấy tờ còn thời hạn sử dụng): chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu phổ thông và giấy phép lái xe.

* Thông báo này thay cho giấy báo dự thi. Kính mời các thí sinh có tên trong danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi đến tham dự kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020 theo thời gian và địa điểm thông báo trên đây.

Hội đồng thi tuyển công chức Tổng cục Hải quan năm 2020 thông báo./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để b/c);
- Website TCHQ (để t/b);
- Hội đồng sơ tuyển các Cục HQ tỉnh, Tp: An Giang, Đà Nẵng, Kiên Giang, Khánh Hòa, Hà Nam Ninh (để t/h);
- Lưu: VT, HĐTTCC (03b).

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN
Nguyễn Dương Thái

DANH SÁCH THÍ SINH ĐUỖ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỔNG CỤC HẢI QUAN NĂM 2020



*(Kèm theo Thông báo số 13 /TB-HĐTTCC ngày 24 /6/2020
của Hội đồng thi tuyển công chức TCHQ năm 2020)*

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	HQ001	Bế Thị Kiều	Anh		1996	Lạng Sơn	HQ Đà Nẵng	KTV	Người dân tộc thiểu số		
2	HQ002	Bùi Thị Ngọc	Anh		1991	Nghệ An	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
3	HQ003	Đặng Dương Đông	Anh	1993		Đồng Tháp	HQ An Giang	KTV			
4	HQ004	Đào Thị Vân	Anh		1989	Hải Phòng	HQ Khánh Hòa	KTV			
5	HQ005	Nguyễn Hoàng	Anh	1992		Hưng Yên	HQ Đà Nẵng	KTV			
6	HQ006	Nguyễn Hồng	Anh		1995	Thanh Hóa	HQ Kiên Giang	KTV	Con thương binh		
7	HQ007	Lê Thị Ngọc	Ánh		1996	Nghệ An	HQ Đà Nẵng	KTV			
8	HQ008	Thái Thị Ngọc	Ánh		1995	Hà Nam	HQ An Giang	KTV			
9	HQ009	Trần Thị Ngọc	Ánh		1990	Hà Nội	HQ Khánh Hòa	KTV			
10	HQ010	Chu Văn	Bắc	1994		Thanh Hóa	HQ Đà Nẵng	KTV			
11	HQ011	Hoàng Song	Bách	1996		Hà Tĩnh	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	

Stt	Số báo danh	Họ Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
			Nam	Nữ						
12	HQ012	Nguyễn Trường Gia Bảo	1992		Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
13	HQ013	Lê Hồ Thanh Bình	1982		Thanh Hóa	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
14	HQ014	Nguyễn Thanh Bình	1995		Thái Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
15	HQ015	Nguyễn Đức Cảnh	1996		Hà Nội	HQ Kiên Giang	KTV			
16	HQ016	Lê Thanh Châu	1990		Ninh Bình	HQ An Giang	KTV			
17	HQ017	Nguyễn Bảo Châu	1995		Hải Phòng	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
18	HQ018	Nguyễn Thị Bích Chi		1991	Quảng Bình	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
19	HQ019	Nguyễn Tân Cường	1994		Quảng Ngãi	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
20	HQ020	Vương Văn Cường	1994		Bắc Ninh	HQ Đà Nẵng	KTV			
21	HQ021	Đinh Hoàng Quốc Đại	1989		Hà Nam	HQ An Giang	KTV			
22	HQ022	Đàm Quang Đạo	1997		Vĩnh Phúc	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
23	HQ023	Đoàn Xuân Đạt	1996		Quảng Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
24	HQ024	Nguyễn Văn Đạt	1995		Thái Bình	HQ An Giang	KTV			
25	HQ025	Phan Mạnh Đạt	1995		Quảng Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
26	HQ026	Đinh Thị Dinh		1990	Ninh Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
27	HQ027	Cao Minh	Đức	1987		Quảng Bình	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
28	HQ028	Đoàn	Đức	1990		Hà Nội	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
29	HQ029	Nguyễn Thị Mỹ	Dung		1995	Hải Phòng	HQ Kiên Giang	KTV		Ngoại ngữ	
30	HQ030	Trần Thị Ngọc	Dung		1992	Quảng Bình	HQ Kiên Giang	KTV			
31	HQ031	Vũ Ngọc	Dũng	1988		Thái Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
32	HQ032	Nguyễn Thị Thùy	Dương		1996	Hải Dương	HQ Khánh Hòa	KTV			
33	HQ033	Nguyễn Tiến	Duy	1991		Quảng Ninh	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
34	HQ034	Nguyễn Vũ	Duy	1993		Phú Thọ	HQ Khánh Hòa	KTV			
35	HQ035	Ngô Mỹ	Duyên		1995	Thừa Thiên Huế	HQ Đà Nẵng	KTV			
36	HQ036	Cao Hương	Giang		1995	Hà Nam	HQ An Giang	KTV			
37	HQ037	Chu Thị Hương	Giang		1993	Nam Định	HQ Đà Nẵng	KTV			
38	HQ038	Tổng Ngọc	Giáp	1994		Bắc Ninh	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
39	HQ039	Hàn Thị Thu	Hà		1992	Thanh Hóa	HQ Đà Nẵng	KTV			
40	HQ040	Lý Thị Thu	Hà		1997	Quảng Ninh	HQ An Giang	KTV	Người dân tộc thiểu số		
41	HQ041	Nguyễn Thúy	Hà		1997	Quảng Ninh	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	

Stt	Số báo danh	Họ Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
			Nam	Nữ						
42	HQ042	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		1993	Ninh Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
43	HQ043	Nguyễn Thị Thanh Hằng		1996	Đà Nẵng	HQ Đà Nẵng	KTV			
44	HQ044	Nguyễn Thị Thúy Hằng		1997	Nghệ An	HQ Đà Nẵng	KTV			
45	HQ045	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		1993	Quảng Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
46	HQ046	Bùi Thúy Hiền		1992	Quảng Bình	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
47	HQ047	Kiều Mạnh Hiệp	1989		Phú Thọ	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
48	HQ048	Lại Trung Hiếu	1989		Thái Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
49	HQ049	Phạm Trung Hiếu	1995		Nam Định	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
50	HQ050	Đặng Sỹ Hòa	1992		Thừa Thiên Huế	HQ Khánh Hòa	KTV			
51	HQ051	Nguyễn Phan Minh Hòa		1997	Đà Nẵng	HQ Đà Nẵng	KTV			
52	HQ052	Tô Vũ Hòa	1995		Cao Bằng	HQ Kiên Giang	KTV	Người dân tộc thiểu số		
53	HQ053	Vũ Song Hòa		1997	Nam Định	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
54	HQ054	Nguyễn Thị Thanh Hoài		1993	Nghệ An	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
55	HQ055	Lý Hoàng	1991		Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
56	HQ056	Võ Đức	Hoàng	1996		Thừa Thiên Huế	HQ Đà Nẵng	KTV			
57	HQ057	Trần Nguyên	Hùng	1995		Quảng Nam	HQ Kiên Giang	KTV			
58	HQ058	Nguyễn Thanh	Hương		1989	Hải Dương	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
59	HQ059	Phạm Thị Thu	Hương		1990	Thái Bình	HQ Kiên Giang	KTV			
60	HQ060	Trần Thị Thiên	Hương		1990	Thừa Thiên Huế	HQ Đà Nẵng	KTV			
61	HQ061	Dương Đức	Huy	1997		Hà Nội	HQ Đà Nẵng	KTV			
62	HQ062	Lê Đắc Tuấn	Huy	1997		Thừa Thiên Huế	HQ Đà Nẵng	KTV			
63	HQ063	Trần Mai	Huy	1992		Lạng Sơn	HQ An Giang	KTV			
64	HQ064	Nguyễn Thị	Huyền		1992	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
65	HQ065	Nguyễn Duy	Khải	1996		Hải Phòng	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
66	HQ066	Dương Quốc	Khánh	1993		An Giang	HQ An Giang	KTV			
67	HQ067	Nguyễn Thị Minh	Khánh		1991	Nghệ An	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
68	HQ068	Nguyễn Thị Mỹ	Khánh		1990	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV	Con của người hưởng chính sách như thương binh		
69	HQ069	Trương Văn	Khánh	1994		Thái Bình	HQ An Giang	KTV			

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
70	HQ070	Vũ Thị	Khương		1996	Hưng Yên	HQ Kiên Giang	KTV			
71	HQ071	Trần Thị	Lan		1997	Hà Nội	HQ Khánh Hòa	KTV			
72	HQ072	Đoàn Phương	Liên		1997	Bắc Ninh	HQ Đà Nẵng	KTV	Con bệnh binh		
73	HQ073	La Hoàng Mỹ	Linh		1994	Thanh Hóa	HQ Đà Nẵng	KTV			
74	HQ074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		1996	Hưng Yên	HQ Khánh Hòa	KTV			
75	HQ075	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		1995	Thanh Hóa	HQ Đà Nẵng	KTV			
76	HQ076	Quách Thùy	Linh		1995	Hưng Yên	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
77	HQ077	Trần Nguyễn Mỹ	Linh		1987	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
78	HQ078	Nguyễn Tử Thiện	Lộc	1989		Ninh Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
79	HQ079	Phan Xuân	Lộc	1993		Hà Tĩnh	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
80	HQ080	Bùi Thế	Long	1997		Hải Phòng	HQ Khánh Hòa	KTV			
81	HQ081	Đinh Mã Thiên	Long	1990		Quảng Bình	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
82	HQ082	Lê Thị Thanh	Long		1989	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
83	HQ083	Vũ	Long	1993		Bắc Giang	HQ An Giang	KTV			
84	HQ084	Hoàng Ngọc	Mai		1993	Thái Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV	Người dân tộc thiểu số	Ngoại ngữ	

Stt	Số báo danh	Họ Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
			Nam	Nữ						
85	HQ085	Hoàng Thị Phương Mai		1997	Nghệ An	HQ An Giang	KTV			
86	HQ086	Nguyễn Thiện Mẫn	1993		Bình Định	HQ Kiên Giang	KTV			
87	HQ087	Nguyễn Công Minh	1995		Bắc Ninh	HQ Kiên Giang	KTV			
88	HQ088	Phùng Quang Minh	1997		Hải Dương	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
89	HQ089	Tạ Quang Minh	1994		Hải Dương	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
90	HQ090	Nguyễn Thị Hoài My		1994	Thừa Thiên Huế	HQ Đà Nẵng	KTV			
91	HQ091	Trần Lê Hà My		1993	Ninh Bình	HQ Kiên Giang	KTV			
92	HQ092	Hà Trung Nam	1997		Ninh Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
93	HQ093	Nguyễn Tiến Nam	1994		Thái Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
94	HQ094	Đinh Thị Nguyệt Nga		1980	Ninh Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
95	HQ095	Lê Tùng Ngân		1993	Hà Tĩnh	HQ Đà Nẵng	KTV			
96	HQ096	Nguyễn Thị Hồng Ngân		1994	Khánh Hòa	HQ Khánh Hòa	KTV			
97	HQ097	Đỗ Thúy Ngọc		1997	Thanh Hóa	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
98	HQ098	Lê Minh Ngọc		1996	Hà Nội	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
99	HQ099	Trần Thúy Ngọc		1986	An Giang	HQ An Giang	KTV			

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
100	HQ100	Trương Tú	Ngọc		1985	An Giang	HQ An Giang	Văn thư			
101	HQ101	Trần Thị Thanh	Nhàn		1997	Nam Định	HQ Kiên Giang	KTV			
102	HQ102	Trần Thị Hồng	Nhung		1990	Phú Thọ	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
103	HQ103	Nguyễn Lâm	Oanh		1997	Thái Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
104	HQ104	Lê Đức	Phi	1994		Khánh Hòa	HQ Khánh Hòa	KTV			
105	HQ105	Đặng Thanh	Phong	1988		An Giang	HQ An Giang	CV CNTT			
106	HQ106	Ngô Đức	Phú	1994		Hà Nội	HQ Khánh Hòa	KTV			
107	HQ107	Nguyễn Văn	Phúc	1994		Thừa Thiên Huế	HQ Đà Nẵng	KTV			
108	HQ108	Hồ Việt	Phương	1995		Nghệ An	HQ An Giang	KTV			
109	HQ109	Phạm Hà	Phương		1995	Bắc Ninh	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
110	HQ110	Vũ Hà	Phương		1994	Hải Dương	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
111	HQ111	Phạm Ngọc	Quân	1994		Vĩnh Phúc	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
112	HQ112	Dương Ngọc	Quang	1989		Hải Phòng	HQ Đà Nẵng	KTV			
113	HQ113	Nguyễn Minh	Quang	1992		Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
114	HQ114	Trịnh Duy	Quang	1996		An Giang	HQ An Giang	KTV			

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
115	HQ115	Trần Thị	Quý		1991	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
116	HQ116	Nguyễn Thị Châu	Sa		1996	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
117	HQ117	Nguyễn Anh	Sơn	1992		Hà Nội	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
118	HQ118	Nguyễn Minh	Tâm	1990		Quảng Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
119	HQ119	Nguyễn Thị Minh	Tâm		1993	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV	Con thương binh		
120	HQ120	Nguyễn Hoàng	Thái	1996		An Giang	HQ An Giang	KTV			
121	HQ121	Lê Minh	Thắng	1991		Thanh Hóa	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
122	HQ122	Tráng Trần Duy	Thanh	1994		Lào Cai	HQ Đà Nẵng	KTV	Người dân tộc thiểu số	Ngoại ngữ	
123	HQ123	Nguyễn Tiến	Thành	1996		Hưng Yên	HQ Đà Nẵng	KTV			
124	HQ124	Nguyễn Việt	Thành	1982		Hà Nam	HQ An Giang	CV CNTT			
125	HQ125	Đặng Phương	Thảo		1997	Hà Nội	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
126	HQ126	Trương Nguyễn Phương	Thảo		1987	Nghệ An	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
127	HQ127	Phạm Thái	Thông	1993		Khánh Hòa	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
128	HQ128	Hồ Vũ Anh	Thư		1995	Đà Nẵng	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
129	HQ129	Phạm Linh	Thuận	1989		Cao Bằng	HQ Kiên Giang	KTV	Người dân tộc thiểu số		

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
130	HQ130	Đồng Diễm	Thúy		1992	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
131	HQ131	Bùi Minh	Tiến	1993		Thái Bình	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
132	HQ132	Bùi Minh	Toàn	1992		Hà Nội	HQ Đà Nẵng	KTV			
133	HQ133	Cao Thế	Toàn	1991		Lạng Sơn	HQ An Giang	CV CNTT	Người dân tộc thiểu số		
134	HQ134	Vũ Thị Xuân	Trà		1993	Quảng Ninh	HQ Khánh Hòa	KTV		Ngoại ngữ	
135	HQ135	Nguyễn Ngọc	Trâm		1991	Hà Nội	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
136	HQ136	Nguyễn Thị Khánh	Trâm		1990	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
137	HQ137	Đinh Ngọc Minh	Trang		1997	Ninh Bình	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
138	HQ138	Đỗ Thị Mai	Trang		1989	Nam Định	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
139	HQ139	Phạm Hiền	Trang		1997	Hà Tĩnh	HQ Đà Nẵng	KTV			
140	HQ140	Phạm Ngọc Đoan	Trang		1992	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
141	HQ141	Đặng Mỹ	Trinh		1997	Đà Nẵng	HQ Đà Nẵng	KTV			
142	HQ142	Mai Kim	Trọng	1989		An Giang	HQ An Giang	CV CNTT			
143	HQ143	Đào Xuân	Trung	1996		Hung Yên	HQ An Giang	KTV	Con của người hưởng chính sách như thương binh		

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
144	HQ144	Võ Nhật	Trường	1990		Long An	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
145	HQ145	Lê Văn Thanh	Tú	1989		Đà Nẵng	HQ Đà Nẵng	KTV			
146	HQ146	Tạ Thanh	Tú	1988		Ninh Bình	HQ Đà Nẵng	KTV		Ngoại ngữ	
147	HQ147	Trần Thanh	Tú	1996		Hưng Yên	HQ An Giang	KTV			
148	HQ148	Trần Thị Minh	Tú		1993	Hà Tây	HQ Đà Nẵng	KTV			
149	HQ149	Đình Công	Tuấn	1991		Vĩnh Phúc	HQ Kiên Giang	KTV			
150	HQ150	Hoàng Anh	Tuấn	1994		Quảng Bình	HQ Đà Nẵng	KTV			
151	HQ151	Phạm Anh	Tuấn	1988		Thái Bình	HQ An Giang	KTV			
152	HQ152	Trần Anh	Tuấn	1994		Quảng Ngãi	HQ Kiên Giang	KTV			
153	HQ153	Vũ	Tuấn	1989		Nam Định	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
154	HQ154	Lại Thanh	Tùng	1989		Hà Nam	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
155	HQ155	Nguyễn Vũ Việt	Tùng	1993		Hải Dương	HQ Kiên Giang	KTV			
156	HQ156	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền		1992	An Giang	HQ An Giang	KTV			
157	HQ157	Huỳnh Thị Ngọc	Uyên		1988	Quảng Nam	HQ Đà Nẵng	KTV			
158	HQ158	Nguyễn Thị Hồng	Vân		1993	Khánh Hòa	HQ Kiên Giang	KTV			

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị dự tuyển	Ngạch công chức dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi	Ghi chú
				Nam	Nữ						
159	HQ159	Nguyễn Phan Khánh	Vi		1992	Đà Nẵng	HQ Đà Nẵng	KTV			
160	HQ160	Đào Đức	Việt	1981		Hà Nội	HQ Hà Nam Ninh	KTV		Ngoại ngữ	
161	HQ161	Vũ Văn	Vương	1991		Nam Định	HQ Hà Nam Ninh	KTV			
162	HQ162	Nguyễn Thị Như	Ý		1994	Đà Nẵng	HQ Đà Nẵng	KTV	Con thương binh		
163	HQ163	Nguyễn Thị	Yến		1994	Quảng Trị	HQ Đà Nẵng	KTV	Con thương binh		

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI QUY
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC,
THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH
NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

1. Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, thể hiện văn minh, lịch sự.

2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi.

3. Ngồi đúng chỗ theo số báo danh, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân lên mặt bàn để các giám thị phòng thi và các thành viên Hội đồng thi kiểm tra.

4. Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, thước kẻ; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

5. Chỉ sử dụng loại giấy thi được phát để làm bài thi, không được làm bài thi trên giấy khác. Phải ghi đầy đủ các mục quy định trong giấy làm bài thi. Mỗi tờ giấy thi phải có đủ chữ ký của 02 giám thị, bài thi không có đủ chữ ký của 02 giám thị được xem là không hợp lệ.

6. Bài thi chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để làm bài thi.

7. Trừ phần ghi bắt buộc trên trang phách, thí sinh không được ghi họ tên, chữ ký của thí sinh, chức danh, tên cơ quan, hoặc các dấu hiệu khác lên bài thi.

8. Tuân thủ mọi hướng dẫn của giám thị; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng thi.

9. Không được trao đổi với người khác trong thời gian thi, không được trao đổi giấy thi, giấy nháp, không được quay cóp bài thi của thí sinh khác hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi.

10. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai giám thị phòng thi.

11. Trường hợp cần viết lại thì gạch chéo hoặc gạch ngang phần đã viết trong bài thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

12. Chỉ được ra ngoài phòng thi sau hơn một nửa thời gian làm bài và phải được sự đồng ý của giám thị phòng thi. Không giải quyết cho thí sinh ra ngoài phòng thi đối với môn thi có thời gian dưới 60 phút.

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì người dự thi chỉ được rời phòng thi khi đã nộp bài, đồng thời ký xác nhận vào bảng kết quả thi; nếu người dự thi không ký xác nhận vào bảng kết quả thi trước khi ra khỏi phòng thi thì phải nhận điểm không (0).

Trường hợp giám thị phát hiện người dự thi ký thay người khác thì cả người ký thay và người được ký thay đều phải nhận điểm không (0).

Việc quyết định điểm không (0) đối với các trường hợp này do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định căn cứ báo cáo của Trưởng ban coi thi.

13. Trong thời gian không được ra ngoài phòng thi theo quy định tại khoản 12 Điều này, nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cho giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho Trưởng ban coi thi xem xét, giải quyết.

14. Ngừng làm bài và nộp bài cho giám thị phòng thi ngay khi giám thị tuyên bố hết thời gian làm bài thi. Phải ghi rõ tổng số tờ giấy thi đã nộp và ký vào danh sách nộp bài thi. Trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại giấy thi.

15. Nghiêm cấm các hành vi làm hỏng hệ thống máy vi tính phục vụ thi; khi phát hiện máy vi tính không sử dụng được phải kịp thời báo cho giám thị để xem xét, giải quyết.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

1. Thí sinh vi phạm nội quy thi đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

a) Khiển trách: Hình thức kỷ luật khiển trách do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Cố ý ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;

Trao đổi với người khác đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;

Mang tài liệu vào phòng thi nhưng chưa sử dụng (trừ trường hợp đề thi có quy định được mang tài liệu vào phòng thi).

b) Cảnh cáo: Hình thức kỷ luật cảnh cáo do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Sử dụng tài liệu trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định được sử dụng tài liệu trong phòng thi);

Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với người khác;

Cho người khác chép bài hoặc chép bài của người khác;

Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

c) Đình chỉ thi: Hình thức kỷ luật đình chỉ thi do Trường ban coi thi quyết định, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy thi.

d) Huỷ kết quả thi: Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng thi hoặc xét, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức quyết định huỷ bỏ kết quả thi đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Có từ hai bài hoặc hai phần thi trở lên bị điểm không (0) hoặc đạt 0% số câu trả lời đúng (trừ trường hợp bỏ thi);

Viết, vẽ vào tờ giấy thi những nội dung không liên quan đến bài thi;

Đánh tráo bài thi hoặc thi hộ hoặc bị đình chỉ thi.

đ) Thí sinh cố ý gây mất an toàn trong phòng thi, ngoài việc bị đình chỉ và huỷ kết quả thi, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

2. Thí sinh vi phạm nội quy phải bị lập biên bản, giám thị phòng thi và thí sinh cùng phải ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi, giám thị phòng thi phải báo cáo ngay với Trường ban coi thi. Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì giám thị phòng thi mời 02 thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận.

3. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy thi cho Giám thị phòng thi, Trường ban coi thi, thành viên Hội đồng thi, thành viên Ban giám sát thi.

4. Trừ điểm bài thi:

a) Thí sinh bị khiển trách trong phần thi nào hoặc bài thi nào sẽ bị trừ 25% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó hoặc 25% tổng số điểm của bài thi đó;

b) Thí sinh bị cảnh cáo phần thi nào hoặc bài thi nào sẽ bị trừ 50% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó hoặc 50% tổng số điểm của bài thi đó.

5. Chấm điểm không (0) đối với một trong những trường hợp sau:

a) Có hai bài làm trở lên đối với một môn thi hoặc một phần thi;

b) Bài thi có chữ viết của hai người trở lên;

c) Bài thi được viết bằng hai màu mực khác nhau hoặc viết bằng màu mực không đúng quy định tại khoản 6 Điều 1 Nội quy này;

d) Bài thi viết trên giấy nháp, giấy không do giám thị phòng thi phát.

6. Việc trừ điểm bài thi quy định khoản 4 Điều này hoặc chấm điểm không (0) quy định tại khoản 5 Điều này do Trưởng ban chấm thi quyết định căn cứ vào báo cáo bằng văn bản của thành viên chấm thi.

7. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là thí sinh dự thi nếu bị hủy kết quả thi theo quy định tại khoản 5 Điều này còn bị xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Quy định đối với giám thị phòng thi, giám thị hành lang

1. Phải có mặt tại địa điểm thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy chế, nội quy của kỳ thi.

3. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng thi.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian thi.

Điều 4. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy, quy chế thi

1. Người tham gia tổ chức thi (thành viên Hội đồng thi, thành viên các Ban giúp việc của Hội đồng thi, thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng thi nếu được thành lập) là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thi ngoài việc bị đình chỉ làm công tác thi còn bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không tham gia tổ chức thi nhưng có các hành vi, như: thi hộ, chuyển đề thi ra ngoài, đưa lời giải vào cho thí sinh, đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ thi, gây rối làm mất trật tự tại khu vực thi bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người tham gia tổ chức thi và những người có liên quan đến việc tổ chức thi không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thi, tùy theo tính chất, mức độ bị cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý chấm dứt hợp đồng đã ký kết.

4. Người tham gia tổ chức thi và những người có liên quan đến việc tổ chức thi vi phạm nội quy, quy chế thi thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không để đảm nhiệm những công việc có liên quan đến công tác tổ chức thi từ 01 năm đến 03 năm kể từ năm tổ chức thi có hành vi vi phạm. *h*



Lê Vĩnh Tân